TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2024/DS-PT
Ngày 30 - 8 - 2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Danh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành
Ông Nguyễn Văn Nghĩa

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lập Thạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1973; nơi cư trú: TDP H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Vũ Thị M, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

2.2. Anh Hà Huy L, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Thị M và anh Hà Huy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2023; các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu B trình bày: Ông và bà Vũ Thị M có mối quan hệ bạn bè. Ngày 01/3/2019, bà M và con

trai là Hà Huy L đến nhà ông hỏi vay của vợ chồng ông số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), vợ chồng ông đồng ý cho vay (vợ ông là bà Nguyễn Thị P), mục đích bà M và anh L vay tiền là để trả nợ cho Ngân hàng, vì chị M có trình bày là trước đó vợ chồng bà M (chồng là ông Hà Sỹ T) có vay của Ngân hàng A số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), vay của Ngân hàng B1 số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nhưng đến hạn trả Ngân hàng thì không có khả năng trả nợ. Hai bên thỏa thuận là 30 ngày sau, bà M, anh L sẽ trả hết cho vợ chồng ông số tiền đã vay, không ghi lãi suất, nhưng có thỏa thuận miệng nếu vay trong vòng 30 ngày thì không tính lãi, còn sau 30 ngày thì tính lãi và có viết giấy vay tiền (bà M và anh L là người ký vào phần người vay). Đến hạn thanh toán bà M, anh L không trả và ông đã yêu cầu mẹ con bà M rất nhiều lần nhưng mẹ con bà M đều tránh mặt. Đến khi bà M và ông T làm thủ tục ly hôn tại Tòa án vào tháng 6/2019, ông cũng đã làm đơn yêu cầu độc lập vào ngày 26/8/2019. Sau đó vì thủ tục rắc rối, phải đi lại nhiều nên anh đã rút yêu cầu độc lập và đến ngày 24/9/2021 thì TAND tỉnh Vĩnh Phúc quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông. Đến nay, ông cũng đã yêu cầu bà M và anh L phải trả nợ rất nhiều lần, nhưng đều không trả. Nay ông yêu cầu bà M và anh L phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc là 300.000.000đ và lãi suất từ ngày 01/4/2019 cho đến nay, mức lãi suất là 1.5%/tháng, tổng tiền lãi là 275.700.000đ với thời gian là 5 năm 1 tháng 8 ngày. Trường hợp bà M đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật thì ông cũng nhất trí.

Bị đơn là bà Vũ Thị M trình bày: Bà là vợ của ông Hà Sỹ T (đã chết ngày 25/4/2022), là mẹ của anh Hà Huy L. Bà và vợ chồng ông, bà B - P có mối quen biết nhau, từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì. Ngày 01/03/2019, bà có đứng ra vay của vợ chồng ông B và bà P số tiền là 300.000.000đ, mục đích vay là để trả khoản vay chung của vợ chồng bà vay Ngân hàng A 250.000.000đ và số tiền còn lại thì bà chi tiêu cho sinh hoạt gia đình. Thời điểm vay hai bên chỉ nói miệng, không viết giấy tờ gì, lãi suất thỏa thuận miệng (thời hạn vay 1 tháng thì không tính lãi suất; còn vay trên 1 tháng thì tính lãi suất là 3.000đ/1 triệu/1 ngày), bà có gửi lại cho ông B 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Sau khi ông B, bà P cho vay tiền để "đáo hạn" cho ngân hàng xong thì chồng bà là ông Hà Sỹ T không đồng ý vay lại của Ngân hàng nữa nên dẫn đến bà mất khả năng thanh toán cho vợ chồng ông B, bà P. Đến khoảng 2 - 3 tháng sau của năm 2019, ông B có yêu cầu bà viết giấy vay tiền, bà đồng ý viết nhưng ông B lại yêu cầu phải ghi thêm con trai bà là anh Hà Huy L vào giấy vay tiền để làm tin, do không hiểu biết nên bà cũng đã ghi anh L vào giấy vay tiền, nhưng bà xác định khoản vay trên của ông B là do vợ chồng bà vay để trả nợ Ngân hàng, mà khoản nợ Ngân hàng là nợ chung của vợ chồng bà, không liên quan gì đến anh L (vì thời điểm vay tiền anh L chưa đủ 18 tuổi, vẫn sống phụ thuộc vào bố mẹ, anh L cũng không được sử dụng khoản tiền vay).

Kể từ đó đến nay ông B đã nhiều lần yêu cầu bà trả nợ nhưng bà không có khả năng trả nợ cho ông B. Nay ông B khởi kiện yêu cầu trả 300.000.000đ tiền gốc và lãi suất kể từ ngày 01/04/2019 cho đến nay bà nhất trí trả, nhưng bà chỉ đồng ý mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Bà không có yêu cầu phản tố đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã gửi cho ông B để làm tin. Còn đối với yêu cầu của ông B đối với anh L, bà xác định anh L không liên quan gì, vì khoản vay trên là nợ chung của bà và chồng bà là ông Hà Sỹ T.

Đồng bị đơn là anh Hà Huy L trình bày: Anh là con trai của bà Vũ Thị M và ông Hà Sỹ T. Anh không quen biết vợ chồng ông B, bà P, từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì. Anh cũng không biết từ trước đến nay bố mẹ anh có những khoản nợ gì và vay những ai. Vào khoảng tháng 4 năm 2019, ông B có yêu cầu anh ký xác nhận vào giấy vay tiền giữa bố mẹ anh với ông B để thể hiện việc có biết bố mẹ anh vay tiền, nhưng thực tế anh không được nhìn thấy tiền và cũng không chứng kiến việc anh B đưa tiền cho bố mẹ anh.

Còn việc bố mẹ anh vay tiền ngân hàng như thế nào anh cũng không được biết. Sau đó bố mẹ anh vay tiền ông B để trả nợ ngân hàng như thế nào anh cũng không được biết, không được sử dụng (thời điểm anh ký vào giấy vay tiền thì lúc đó anh mới hơn 16 tuổi, vẫn sống phụ thuộc vào bố mẹ). Nay ông B khởi kiện yêu cầu anh có trách nhiệm cùng bà M trả khoản nợ 300.000.000đ và lãi suất từ ngày 01/4/2019 cho đến nay anh không đồng ý, bà M vay thì bà M có trách nhiệm trả, anh xác định khoản vay đó không liên quan gì đến anh. Anh L không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Bản tự khai ngày 30/11/2023, bà P trình bày: Bà thống nhất trình bày và quan điểm của bà như nội dung ông B đã trình bày nêu trên. Bà không trình bày bổ sung và cũng không có yêu cầu độc lập.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lập Thạch quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu B.

Buộc bà Vũ Thị M, anh Hà Huy L có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu B số tiền 453.167.000đ, trong đó: tiền gốc là 300.000.000đ và tiền lãi là

153.167.000đ (tính từ ngày 01/4/2019 đến thời điểm xét xử, ngày 09/5/2024), (kỷ phần của mỗi người là 226.583.500đ).

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, bà Vũ Thị M và anh Hà Huy L có đơn kháng cáo, nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc buộc anh L phải chịu trách nhiệm trả nợ vì thời điểm vay anh L chưa thành niên, bà và chồng bà mới phải chịu trách nhiệm trả nợ. Đồng thời không đồng ý với lãi suất theo bản án sơ thẩm mà theo lãi ngân hàng A là 6,8%/năm.

Tại phiên tòa bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã được thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Vũ Thị M và anh Hà Huy L. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quan lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng ghi nhận sự tự nguyện trả nợ của bà Vũ Thị M, xác định anh Hà Huy L không phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị M và anh Hà Huy L trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo Giấy vay tiền đề ngày 01/3/2019 thể hiện vợ chồng ông Nguyễn Hữu B và bà Nguyễn Thị P có cho bà Vũ Thị M và anh Hà Huy L vay 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 30 ngày và không tính lãi suất. Hai bên có thỏa thuận miệng sau 30 ngày mà bên vay không trả được nợ thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền gốc 300.000.000đồng, nhưng nguyên đơn cho rằng mức lãi suất là 1.5%/tháng, bị đơn cho rằng lãi suất là 3.000đ/1 triệu/1 ngày.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà M, anh L phải trả số tiền nợ gốc là 300.000.000đồng và số tiền lãi tính từ ngày 01/4/2019 cho đến ngày xét xử sơ

thẩm là 05 năm 01 tháng 08 ngày, theo mức lãi suất là 18%/năm (tương đương 1.5%/tháng).

Với nội dung trên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà M, anh L phải có trách nhiệm trả cho ông B tổng số tiền 453.167.000đồng, trong đó tiền gốc là 300.000.000đồng và tiền lãi là 153.167.000đồng (theo mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,833%/tháng).

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị M và anh Hà Huy L

[3.1] Đối với yêu cầu kháng cáo về việc buộc anh Hà Huy L trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn ông B thừa nhận thời điểm cho bà M vay tiền thì ông chưa yêu cầu bà M viết giấy vay tiền nhưng sau 03 ngày do bà M không trả được thì mới yêu cầu viết Giấy vay tiền đề ngày 01/3/2019. Khi cho vay, nguyên đơn biết mục đích bà M vay để trả khoản nợ chung của vợ chồng bà M, ông T tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L. Điều này phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng N – Chi nhánh huyện L cung cấp thể hiện ngày 01/3/2019 bà M đã trả khoản nợ 250.000.000 đồng tại Ngân hàng.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 12/2021/HNGĐ-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã giải quyết cho vợ chồng ông Hà Sỹ T và bà Vũ Thị M được ly hôn và phân chia tài sản chung của vợ chồng nhưng chưa giải quyết đối với khoản nợ 300.000.000đồng. Lý do chưa giải quyết khoản nợ này là do ông B có đơn đơn yêu cầu độc lập về việc đòi nợ đối với vợ chồng ông T, bà M sau đó xin rút đơn yêu cầu độc lập.

Năm 2019 anh Hà Huy L mới 16 tuổi, không có tài sản và sống phụ thuộc vào gia đình; tại phiên tòa anh L khẳng định không biết bố mẹ vay bao nhiêu tiền, vay khi nào, bản thân anh không vay và không được sử dụng khoản tiền này mà chỉ ký vào giấy vay nợ do ông B yêu cầu nên không đồng ý trả nợ.

Với các tình tiết, chứng cứ nêu trên thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đánh giá chữ ký trong giấy vay tiền là của anh L để buộc anh L cùng bà M chịu trách nhiệm trả 300.000.000đồng cho ông B mà không xem xét các chứng cứ khác để xác định anh L có vay tiền và có được sử dụng tiền không là chưa đánh giá đúng bản chất của vụ án.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận số tiền 300.000.000đồng tại Giấy vay tiền lập ngày 01/3/2019 là khoản nợ chung của vợ chồng ông Hà Sỹ T, bà Vũ Thị M. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, xác định anh L không có nghĩa vụ trả nợ, mà cần buộc bà M, ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông B, bà P.

Trước khi ông T chết thì ông T và bà M đã ly hôn nhưng chưa giải quyết khoản nợ trên, tại phiên tòa phúc thẩm bà M tự nguyện trả toàn bộ số tiền cho ông B, bà P nên bà Vũ Thị M có quyền khởi kiện đối với các thừa kế của ông T để yêu

cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại theo quy định pháp luật khi có yêu cầu.

[3.2] Đối với kháng cáo về mức lãi suất:

Bị đơn kháng cáo đề nghị tính tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng N là 6,8%/năm (tương đương 0,56%/tháng) kể từ ngày 01/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đồng ý với số tiền lãi của khoản nợ 300.000.000đồng kể từ ngày 01/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 153.167.000đồng mà Bản án sơ thẩm đã quyết định với mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng). Nguyên đơn không có ý kiến gì đối với số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[4] Tuy không có kháng cáo, kháng nghị nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án sơ thẩm còn một số thiếu sót cần rút kinh nghiệm, cụ thể:

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên "Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015" là không chính xác. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay có lãi, Tòa án sơ thẩm đã quyết định buộc bị đơn phải chịu số tiền lãi kể từ thời điểm hai bên thỏa thuận (ngày 01/4/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm nên cần xác định trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án cấp phúc thẩm sẽ sửa lại phần tuyên lãi suất sau khi xét xử sơ thẩm theo hướng phân tích nêu trên để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Theo thỏa thuận tại Giấy vay tiền lập ngày 01/3/2019, để vay số tiền 300.000.000đồng thì bà M đã thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO240448 đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 15, diện tích 3645,1m^2 (đất rừng sản xuất) do UBND huyện L cấp ngày 20/11/2013 mang tên ông ông Hà Sỹ T, bà Vũ Thị M cho ông B, bà P để làm tin. Căn cứ vào hợp đồng vay tài sản, nguyên đơn khởi kiện đòi tiền nhưng Tòa án sơ thẩm không xem xét, giải quyết việc trả lại GCNQSDĐ khi bên vay thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ với lý do đương sự không có yêu cầu là chưa đảm bảo quyền lợi của bị đơn và chưa giải quyết triệt để nội dung các bên thỏa thuận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M đề nghị ông B, bà P phải trả lại GCNQSDĐ cho bà sau khi trả hết nợ và ông B nhất trí với yêu cầu

của bà M. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ sửa Bản án sơ thẩm theo hướng các đương sự thỏa thuận.

[5] Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị M và anh Hà Huy L được chấp nhận một phần. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng nhận định nêu trên.

[6] Về án phí:

Do Bản án sơ thẩm bị sửa về người chịu trách nhiệm trả nợ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Vũ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử sẽ sửa phần án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Kháng cáo của bà Vũ Thị M và anh Hà Huy L được chấp nhận một phần nên bà M và anh L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị M và anh Hà Huy L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Vũ Thị M phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu B, bà Nguyễn Thị P tổng số tiền là 453.167.000đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi là 153.167.000đồng (Một trăm năm mươi ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Vũ Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

Sau khi bà Vũ Thị M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Hữu B, bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO240448 do UBND huyện L cấp ngày 20/11/2013 đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 15, diện tích 3645,1m^2 (đất rừng sản xuất) cho bà M.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị M phải chịu số tiền 22.127.000đồng (Hai mươi hai triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000034 ngày 25/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị M, anh Hà Huy L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà M và anh L mỗi người số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo 02 Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000318 và 0000319 cùng ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Lập Thạch;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Danh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Thành **Lê Thị Bích Ngọc** **Nguyễn Thị Thu Hà**